

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Văn học** (Vietnamese Literature)

Mã ngành: 52220330

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Khoa Bộ môn Ngữ văn - Khoa học xã hội và nhân văn

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Văn học đào tạo cử nhân với những phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng như sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực văn học và ngôn ngữ.
- Có kiến thức chuyên ngành rộng, có kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng học lên các bậc học cao hơn ở các chuyên ngành phù hợp.
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức hoạt động trên lĩnh vực văn hóa; tham gia công tác giảng dạy môn Văn bậc trung học ở các trường THPT (nếu có thêm chứng chỉ sư phạm); làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, quản lý giáo dục ở địa phương.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- Kiến thức tạo nền tảng để sinh viên có thể nghiên cứu chuyên sâu sau này ở lĩnh vực văn học và ngữ học như: kiến thức về nguyên lý, tác phẩm văn học và tiến trình văn học, kiến thức và kỹ năng vận dụng chữ Hán và chữ Nôm, kiến thức ngữ âm, từ vựng cú pháp,... tiếng Việt để khảo sát tác phẩm văn học Việt Nam;
- Kiến thức về làm văn, ngôn ngữ báo chí, về kỹ thuật nhiếp ảnh, quay phim video để phục vụ nhu cầu của sinh viên có định hướng nghề nghiệp báo chí.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- Kiến thức chuyên sâu về bộ phận văn học dân gian và văn học viết Việt Nam qua các giai đoạn phát triển, một số nền văn học lớn, tiêu biểu thuộc văn học châu Âu, châu Á, châu Mỹ như Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, các nước thuộc khối châu Mỹ La Tinh;

- Kiến thức về tiếp nhận văn học, thi pháp học, ngôn ngữ văn chương, các thể thơ, phương pháp nghiên cứu văn học;
- Kiến thức sâu về phong cách học tiếng Việt, các lý thuyết tiếp cận ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại như ngữ pháp chức năng, ngữ pháp văn bản,...
- Kiến thức văn học đặc thù vùng miền như Ca dao Nam Bộ, Văn học Đồng bằng Sông Cửu Long,...

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề văn học .
- Giảng dạy văn học ở bậc THPT, đại học...
- Viết báo, biên tập văn bản cho các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản...
- Soạn thảo văn bản, quản lý văn phòng ở cơ quan văn hóa, kinh tế...
- Thực hiện công tác quản lý chuyên môn nghiên cứu, giảng dạy; có kỹ năng thu thập thông tin qua liên hệ, giao tiếp, tìm hiểu thực tế; phân tích và xử lý thông tin theo định hướng nghiên cứu, giảng dạy...

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng thuyết trình, nói trước công chúng.
- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội và giải quyết hiệu quả vấn đề.
- Có kỹ năng làm việc hợp tác, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo.
- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
- Ngoại ngữ: Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
- Tin học: Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.

2.3 Thái độ

- Có tinh thần yêu nước, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, sẵn sàng cống hiến cho đất nước.
- Có ý thức chấp hành pháp luật, có ý thức trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.
- Có tinh thần làm việc hăng say, ý thức nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện phẩm chất đạo đức; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- Có năng lực cảm thụ thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc về các giá trị văn hóa, nhân văn.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Văn học có những cơ hội nghề nghiệp sau:

- Nghiên cứu văn học tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
- Giảng dạy môn Ngữ văn ở bậc THPT, cao đẳng, đại học.
- Làm phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên cho các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản, các đài phát thanh và truyền hình...
- Làm công tác văn phòng ở các cơ quan văn hoá như: Sở văn hóa và thông tin, thư viện, bảo tàng, cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan hành chính sự nghiệp...

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể học tiếp lên Thạc sĩ ở các ngành: Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn học nước ngoài, Lý luận và phương pháp dạy học Văn và tiếng Việt... và một số ngành gần với khoa học xã hội và nhân văn như Văn hoá học, Xã hội học, Việt Nam học, Nhân học...

- Có thể tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên sâu về lĩnh vực báo chí, xuất bản, quản lý văn phòng... để phục vụ trực tiếp cho chuyên môn theo yêu cầu của cơ quan quản lý và sử dụng lao động.

5. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP003	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	3	3		45		Bổ trí theo nhóm ngành		
2	QP004	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		30		Bổ trí theo nhóm ngành		
3	QP005	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	3	3		30	45	Bổ trí theo nhóm ngành		
4	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III	
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III	
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III	
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III	
8	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III	
9	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III	
10	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III	
11	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III	
12	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III	
13	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III	
14	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III	
15	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III		
16	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III		
17	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III	
18	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III	
19	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III	
20	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III	
21	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III	
22	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III	
23	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III	
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II, III	
25	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III	
26	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III	
27	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III	
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III	
29	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III	
Cộng: 38 TC (Bắt buộc 23 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
30	XH016	Mỹ học đại cương	2	2		30			I, II	
31	XH565	Lý luận văn học 1	3	3		45			I, II	
32	XH566	Lý luận văn học 2	3	3		45		XH565	I, II	
33	XH181	Lý luận văn học 3	2	2		30		XH566	I, II	
34	XH194	Hán văn cơ sở	3	3		45			I, II	
35	XH195	Hán văn nâng cao	2	2		30		XH194	I, II	
36	XH196	Chữ Nôm	3	3		45		XH195	I, II	
37	XH197	Ngữ âm học tiếng Việt	2	2		30			I, II	
38	XH198	Từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt	3	3		45		XH197	I, II	
39	XH199	Từ pháp học tiếng Việt	2	2		30		XH198	I, II	
40	XH200	Cú pháp học tiếng Việt	2	2		30		XH199	I, II	
41	XH585	Ngữ pháp học văn bản tiếng Việt	2	2		30		XH200	I, II	
42	XN108	Ngữ pháp học chức năng tiếng Việt	3	3		45		XH585	I, II	
43	XH117	Ngôn ngữ báo chí	2		4	30		XH108	I, II	
44	XN109	Kỹ năng làm văn	2						XH117	I, II
45	XN110	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay Video	2			30			XN109	I, II
46	XH193	Kỹ năng giao tiếp xã hội	2			30			XN110	I, II
Cộng: 36 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 4 TC)										

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức chuyên ngành									
47	XH567	Văn học dân gian đại cương	3	3		45			I, II
48	XH568	Văn học Việt Nam 1	3	3		45			I, II
49	XH569	Văn học Việt Nam 2	3	3		45		XH568	I, II
50	XH570	Văn học Việt Nam 3	4	4		60		XH569	I, II
51	XH571	Văn học Việt Nam 4	4	4		60		XH570	I, II
52	XN356	Văn học Châu Á 1	4	4		60		XH568	I, II
53	XN357	Văn học Châu Á 2	3	3		45		XH568	I, II
54	XH384	Văn học Châu Âu 1	3	3		45		XH568	I, II
55	XH392	Văn học Châu Âu 2	3	3		45		XH384	I, II
56	XN358	Văn học Châu Âu 3	4	4		60		XH384	I, II
57	XN359	Ngữ dụng học tiếng Việt	3	3		45		XH200	I, II
58	XN351	Phong cách học ngôn ngữ	2	2		30		XH199	I, II
59	XH116	Phương pháp nghiên cứu văn học	2	2		30		XH569	I, II
60	XH112	Thi pháp học	2	2		30		XH181	I, II
61	XH114	Các thể thơ Việt Nam	2	2		30		XH570	I, II
62	XH113	Ngôn ngữ văn chương	2	2		30		XH570	I, II
63	XH191	Niên luận - Ngữ văn	3	3			90	>60TC	I, II
64	XH218	Thực tế ngoài trường – Văn học	2	2			60		II
65	XN360	Văn học Châu Mỹ	2			30		XH568	I, II
66	XN361	Văn học Châu Á 3	2			30		XH568	I, II
67	XN362	Chuyên đề văn học địa phương	2		4	30		XH571	I, II
68	XH580	Từ Hán Việt	2			30		XH194	I, II
69	XH347	Luận văn tốt nghiệp – Văn học	10				300	>105 TC	I, II
70	XH346	Tiểu luận tốt nghiệp - Văn học	4				120	>105 TC	I, II
71	XH582	Ca dao Nam Bộ	2			30		XH567	I, II
72	XH583	Tiếp nhận văn học	2		10	30		XH566	I, II
73	XH579	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2			30		XH571	I, II
74	XH115	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	2			30		XH585	I, II
75	XN350	Phê bình văn học	2			30		XH566	I, II
76	XH581	Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc	2			30		XN356	I, II
77	XH192	Biên tập văn bản báo chí	2			30		XH117	I, II
Cộng: 66 TC (Bắt buộc: 52 TC; Tự chọn: 14 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 107 TC; Tự chọn: 33 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015